



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 244027

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí

3. Ngày lấy mẫu : 27/03/2024

4. Ngày trả kết quả : 08/04/2024

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	H ₂ S mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
Điểm đo						
K1: Khu vực sản xuất (Tọa độ X:577583, Y: 1117822)	74,1	0,162	< 0,010	0,142	0,125	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	EPA Method 701	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85- PtCO

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 244028 – 244029

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ký hiệu mẫu : E1 – Bên trong ống khói lò hơi đầu vào HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577539; Y= 1117874).
E2 – Bên trong ống khói lò hơi đầu ra HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577628; Y= 1117922).

4. Ngày lấy mẫu : 27/03/2024

5. Ngày trả kết quả : 08/04/2024

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	HF mg/Nm ³
Nguồn thải					
E1	57	32	91	140	KPH (LOD=0,15)
E2	34	11	21	52	KPH (LOD=0,15)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HD NB - 05			US EPA Method 26

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 244030 – 244031

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải sinh hoạt

3. **Ký hiệu mẫu** :

NT1 – Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (Tọa độ X: 577483, Y: 11177787)

NT2 – Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (Tọa độ X: 577470, Y: 1117773)

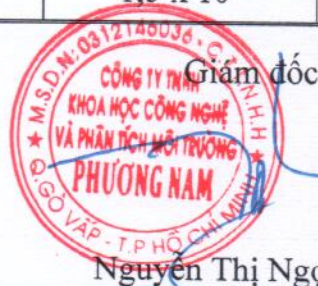
4. **Ngày lấy mẫu** : 27/03/2024

5. **Ngày trả kết quả** : 08/04/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT1	NT2	
1	pH	-	7,42	6,70	TCVN 6492:2011
2	TDS	mg/l	511	225	HD 66 – ĐO TDS
3	TSS	mg/l	79	21	TCVN 6625:2000
4	BOD	mg/l	91	18	SMEWW 5210B:2023
5	N – NH ₄ ⁺	mg/l	39,2	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
6	N – NO ₃ ⁻	mg/l	0,52	3,24	SMEWW 4500.NO3.E:2023
7	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,80	< 0,10	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2023
8	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	11,4	0,25	SMEWW 4500.P.B&E:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	5,1	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	1,1 x 10 ⁵	1,5 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 244030 – 244031

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

3. **Ký hiệu mẫu** :

NT3 – Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu (Tọa độ X: 577614, Y: 1117912)

NT4 – Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu (Tọa độ X: 577649, Y: 1117944)

4. **Ngày lấy mẫu** : 27/03/2024

5. **Ngày trả kết quả** : 08/04/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT3	NT4	
1	Dầu mỡ khoáng	mg/l	31,1	< 3,3	SMEWW 5520B&F:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 244032 – 244033

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu :

NT5 – Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải lò hơi (Tọa độ X: 577632, Y: 1117934)

NT6 – Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải lò hơi (Tọa độ X: 577634, Y: 1117931)

4. Ngày lấy mẫu : 27/03/2024

5. Ngày trả kết quả : 08/04/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT5	NT6	
1	Nhiệt độ	°C	41,1	30,4	SMEWW 2550B:2023
2	pH	-	5,78	6,70	TCVN 6492:2011
3	Độ màu (ở pH = 7)	Pt/Co	22	12	SMEWW 2120C:2023
4	BOD ₅	mg/l	17	11	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/l	34	24	SMEWW 5220C:2023
6	SS	mg/l	79	12	TCVN 6625:2000
7	N – NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
8	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225:2:2021
9	Tổng Nitơ	mg/l	< 3,3	KPH (LOD = 1)	TCVN 6638:2000
10	Tổng Photpho	mg/l	0,26	0,15	SMEWW 4500.P.B&E:2023
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	< 3,3	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
12	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	KPH (LOD=1,8)	KPH (LOD=1,8)	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên

- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích để sử dụng cho mục đích khác



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410961 – 2410962

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ký hiệu mẫu : E1 – Bên trong ống khói lò hơi đầu vào HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577539; Y= 1117874).
E2 – Bên trong ống khói lò hơi đầu ra HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577628; Y= 1117922).

4. Ngày lấy mẫu : 21/06/2024

5. Ngày trả kết quả : 30/06/2024

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	HF mg/Nm ³
Nguồn thải					
E1	64	51	110	136	KPH (LOD=0,15)
E2	39	15	37	46	KPH (LOD=0,15)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HD NB - 05			US EPA Method 26

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410963 – 2410964

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải sinh hoạt

3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý (Tọa độ X: 577483, Y: 11177787)
NT2 – Nước thải sau xử lý (Tọa độ X: 577470, Y: 1117773)

4. Ngày lấy mẫu : 21/06/2024

5. Ngày trả kết quả : 30/06/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT1	NT2	
1	pH	-	7,17	6,94	TCVN 6492:2011
2	TDS	mg/L	505	282	HD 66 – ĐO TDS
3	TSS	mg/L	72	35	TCVN 6625:2000
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	84	22	SMEWW 5210B:2023
5	N – NH ₄ ⁺	mg/L	36,4	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
6	N – NO ₃ ⁻	mg/L	0,80	18,9	SMEWW 4500.NO3.E:2023
7	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,52	< 0,10	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2023
8	Tổng Photpho	mg/L	14,6	3,40	SMEWW 4500.P.B&E:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	5,9	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	9,2 x 10 ⁴	1,2 x 10 ³	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410965 – 2410966

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Ký hiệu mẫu : NT3 – Nước thải nhiễm dầu trước xử lý (Tọa độ X: 577614, Y: 1117912)
NT4 – Nước thải nhiễm dầu sau xử lý (Tọa độ X: 577649, Y: 1117944)
4. Ngày lấy mẫu : 21/06/2024
5. Ngày trả kết quả : 30/06/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT3	NT4	
1	Dầu mỡ khoáng	mg/L	28,4	< 3,3	SMEWW 5520B&F:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410967 – 2410968

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC – CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

3. **Ký hiệu mẫu** : NT5 – Nước thải lò hơi trước xử lý (Tọa độ X: 577632, Y: 1117934)
NT6 – Nước thải lò hơi sau xử lý (Tọa độ X: 577634, Y: 1117931)

4. **Ngày lấy mẫu** : 21/06/2024

5. **Ngày trả kết quả** : 30/06/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT5	NT6	
1	Nhiệt độ	°C	40,4	30,1	SMEWW 2550B:2023
2	pH	-	5,91	6,84	TCVN 6492:2011
3	Độ màu (ở pH = 7)	Pt/Co	30	< 10	SMEWW 2120C:2023
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	15	12	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	31	20	SMEWW 5220C:2023
6	TSS	mg/L	72	11	TCVN 6625:2000
7	N – NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
8	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225:2:2021
9	Tổng Nitơ	mg/L	< 3,3	KPH (LOD = 1)	TCVN 6638:2000
10	Tổng Photpho	mg/L	0,15	0,12	SMEWW 4500.P.B&E:2023
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 3,3	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	KPH (LOD=1,8)	KPH (LOD=1,8)	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Giám đốc

Phạm Lê Hoàng Duy

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2410960

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí

4. Ngày lấy mẫu : 21/06/2024

5. Ngày trả kết quả : 30/06/2024

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	H ₂ S mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
Điểm đo						
K1: Khu vực sản xuất	74,4	0,584	0,136	0,155	0,130	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	EPA Method 701	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85- PtCO

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2417686 – 2417687

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ký hiệu mẫu : E1 – Bên trong ống khói lò hơi đầu vào HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577539; Y= 1117874).
E2 – Bên trong ống khói lò hơi đầu ra HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577628; Y= 1117922).

4. Ngày lấy mẫu : 05/09/2024

5. Ngày trả kết quả : 18/09/2024

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	HF mg/Nm ³
Nguồn thải					
E1	60	64	122	141	KPH (LOD=0,15)
E2	32	19	45	57	KPH (LOD=0,15)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HD NB - 05			US EPA Method 26

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 2417688 – 2417689

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải sinh hoạt

3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý (Tọa độ X: 577483, Y: 11177787)
NT2 – Nước thải sau xử lý (Tọa độ X: 577470, Y: 1117773)

4. Ngày lấy mẫu : 05/09/2024

5. Ngày trả kết quả : 18/09/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT1	NT2	
1	pH	-	7,31	6,98	TCVN 6492:2011
2	TDS	mg/L	481	289	HD 66 – ĐO TDS
3	TSS	mg/L	75	24	TCVN 6625:2000
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	64	12	SMEWW 5210B:2023
5	N – NH ₄ ⁺	mg/L	27,1	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
6	N – NO ₃ ⁻	mg/L	0,90	12,1	SMEWW 4500.NO3.E:2023
7	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,66	< 0,10	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2023
8	P – PO ₄ ³⁻	mg/L	7,1	1,90	SMEWW 4500.P.E:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	4,2	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	1,2 x 10 ⁴	6,0 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).

1/1



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2417690 – 2417691

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Ký hiệu mẫu : NT3 – Nước thải nhiễm dầu trước xử lý (Tọa độ X: 577614, Y: 1117912)
NT4 – Nước thải nhiễm dầu sau xử lý (Tọa độ X: 577649, Y: 1117944)
4. Ngày lấy mẫu : 05/09/2024
5. Ngày trả kết quả : 18/09/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT3	NT4	
1	Dầu mỡ khoáng	mg/L	29,1	< 3,3	SMEWW 5520B&F:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 2417692 – 2417693

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Ký hiệu mẫu : NT5 – Nước thải lò hơi trước xử lý (Tọa độ X: 577632, Y: 1117934)
NT6 – Nước thải lò hơi sau xử lý (Tọa độ X: 577634, Y: 1117931)
4. Ngày lấy mẫu : 05/09/2024
5. Ngày trả kết quả : 18/09/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT5	NT6	
1	Nhiệt độ	°C	41,7	32,4	SMEWW 2550B:2023
2	pH	-	3,94	3,87	TCVN 6492:2011
3	Độ màu (ở pH = 7)	Pt/Co	18	< 10	SMEWW 2120C:2023
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	17	10	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	30	22	SMEWW 5220C:2023
6	TSS	mg/L	68	10	TCVN 6625:2000
7	N – NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
8	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225:2:2021
9	Tổng Nitơ	mg/L	< 3,3	KPH (LOD = 1)	TCVN 6638:2000
10	Tổng Photpho	mg/L	0,12	0,090	SMEWW 4500.P.B&E:2023
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 3,3	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	KPH (LOD=1,8)	KPH (LOD=1,8)	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2417694

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí

4. Ngày lấy mẫu : 05/09/2024

5. Ngày trả kết quả : 18/09/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	H ₂ S mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
K1: Khu vực sản xuất		65,1	0,502	0,116	0,128	0,110	< 8,3
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	EPA Method 701	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85- PtCO

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 2432401

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí

3. Ngày lấy mẫu : 06/12/2024

4. Ngày trả kết quả : 20/12/2024

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	H ₂ S mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
Điểm đo						
K1: Khu vực sản xuất	66,4	0,210	0,142	0,136	0,122	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	EPA Method 701	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85- PICO

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên

- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2432402 – 2432403

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ
Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ký hiệu mẫu : E1 – Bên trong ống khói lò hơi dầu vào HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577539; Y= 1117874).
E2 – Bên trong ống khói lò hơi dầu ra HTXL, công suất 15 tấn/giờ;
nhiên liệu: trấu (Toạ độ X= 577628; Y= 1117922).
4. Ngày lấy mẫu : 06/12/2024
5. Ngày trả kết quả : 20/12/2024

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	HF mg/Nm ³
Nguồn thải					
E1	70	64	122	151	KPH (LOD=0,15)
E2	42	19	45	71	KPH (LOD=0,15)
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HD NB - 05			US EPA Method 26

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên

Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2432404 – 2432405

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải trước xử lý (Tọa độ X: 577483, Y: 11177787)
NT2 – Nước thải sau xử lý (Tọa độ X: 577470, Y: 1117773)
4. Ngày lấy mẫu : 06/12/2024
5. Ngày trả kết quả : 20/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT1	NT2	
1	pH	-	7,36	6,90	TCVN 6492:2011
2	TDS	mg/L	582	291	HD 66 – ĐO TDS
3	TSS	mg/L	91	39	TCVN 6625:2000
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	102	25	SMEWW 5210B:2023
5	N – NH ₄ ⁺	mg/L	32,1	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
6	N – NO ₃ ⁻	mg/L	0,90	19,8	SMEWW 4500.NO3.E:2023
7	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,45	< 0,10	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2023
8	Tổng Photpho	mg/L	12,1	2,60	SMEWW 4500.P.B&E:2023
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	5,2	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	6,8 x 10 ⁴	1,8 x 10 ³	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2432406 – 2432407

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Ký hiệu mẫu : NT3 – Nước thải nhiễm dầu trước xử lý (Tọa độ X: 577614, Y: 1117912)
NT4 – Nước thải nhiễm dầu sau xử lý (Tọa độ X: 577649, Y: 1117944)
4. Ngày lấy mẫu : 06/12/2024
5. Ngày trả kết quả : 20/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT3	NT4	
1	Dầu mỡ khoáng	mg/L	29,1	< 3,3	SMEWW 5520B&F:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2432408 – 2432409

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP VIỆT – PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC
– CHI NHÁNH PROCONCO CẦN THƠ

Đ/c: Lô 13 - 14 KCN Trà Nóc I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ

2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Ký hiệu mẫu : NT5 – Nước thải lò hơi trước xử lý (Tọa độ X: 577632, Y: 1117934)
NT6 – Nước thải lò hơi sau xử lý (Tọa độ X: 577634, Y: 1117931)
4. Ngày lấy mẫu : 06/12/2024
5. Ngày trả kết quả : 20/12/2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp phân tích
			NT5	NT6	
1	Nhiệt độ	°C	39,1	30,6	SMEWW 2550B:2023
2	pH	-	5,84	6,91	TCVN 6492:2011
3	Độ màu (ở pH = 7)	Pt/Co	45	< 10	SMEWW 2120C:2023
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	12	10	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	30	18	SMEWW 5220C:2023
6	TSS	mg/L	81	15	TCVN 6625:2000
7	N – NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	TCVN 5988:1995
8	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225:2:2021
9	Tổng Nitơ	mg/L	< 3,3	KPH (LOD = 1)	TCVN 6638:2000
10	Tổng Photpho	mg/L	0,12	0,10	SMEWW 4500.P.B&E:2023
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 3,3	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520B&F:2023
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	KPH (LOD=1,8)	KPH (LOD=1,8)	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).

1/1